

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẮC GIANG  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144 /2022/HS-ST  
Ngày 10 tháng 9 năm 2022

**NHÂN DA  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Triệu Thị Luyến

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Vượng - Giáo viên nghỉ hưu; Chủ tịch Hội bảo vệ quyền trẻ em phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

2. Ông Nguyễn Văn Tư

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Đ Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 135/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144 /2022/ QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2022, đối với bị cáo:

**Họ và tên: Thân Hải N, sinh ngày 30/8/2005, tên gọi khác:** Không;

Nơi cư trú: Thôn S, xã Đ, thành phố B, tỉnh B;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; Đảng, đoàn thể: Không; Quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; tôn giáo Không; giới tính: N; con bà Thân Thị Th, sinh năm 1981.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 19/4/2022 đến ngày 28/4/2022 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại (có mặt)

*Người đại diện hợp pháp của bị cáo:* Chị Thân Thị Th, sinh năm 1981 là mẹ đẻ của bị cáo (có mặt).

*Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn ĐT, sinh năm 1960 – Luật sư Văn phòng Luật sư Phạm Xuân A- Đoàn Luật sư tỉnh B(có mặt).

**\* Bị hại:**

1. Ông Phạm Văn V, sinh 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, thành phố B, tỉnh B

2. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, thành phố B, tỉnh B

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. A Đinh Văn N, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 26A, đường Q, phường Tr, thành phố B, tỉnh B.

2. Chị Ngô Hoài A, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 26A, đường Q, phường Tr, thành phố B, tỉnh B.

3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1953 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, thành phố B, tỉnh B

4. Chị Thân Thị Th, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, thành phố B, tỉnh B

5. A Lưu Văn Đ, sinh năm 1998 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Ch, xã Đ, thành phố B, tỉnh B

*\* Người làm chứng:*

A Nguyễn Văn H, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố G, phường D, thành phố B, tỉnh B.

*\* Người chứng kiến:*

Ông Ngô Huy Q, sinh năm 1946 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 14, ngõ 74, đường Nguyễn Văn C, phường L, thành phố B, tỉnh B.

*\*Đại diện diện của Tổ chức nơi bị cáo sinh hoạt:*

A Nguyễn Văn Th – Phó Bí thư Đoàn thanh niên xã Đ, thành phố B, tỉnh B (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thân Hải N, sinh ngày 30/8/2005 trú tại thôn S, xã Đ, thành phố B thuê trọ tại nhà bà Thân Thị Nh, sinh năm 1968 ở cùng thôn. Ngày 10/4/2022 và ngày 14/4/2022, N thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản của gia đình ông Phạm Văn V – bà Nguyễn Thị Nh ở cùng thôn, cụ thể như sau:

**Vụ thứ nhất:** Khoảng 09 giờ ngày 10/04/2022, Thân Hải N đi bộ đến quán game ở thôn C, xã Đ, thành phố B để chơi điện tử. Khi đi qua nhà ông Phạm Văn V - bà Nguyễn Thị Nh ở Thôn S, xã Đ, thành phố B, tỉnh B, N nhìn thấy cổng mở nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. N quan sát xung quanh không thấy người nên đi qua cổng chính vào sân nhà ông V rồi đi theo lối cửa qua gian bếp lên tầng 2. N đi vào phòng ngủ của ông V phía bên phải cầu thang thấy tại vị trí cạnh giường ngủ có để 01 thùng cát tông màu đỏ dưới nền nhà, trên đỉnh thùng cát tông đặt 01 khay ẩm chén. N bê khay ẩm chén đặt lên giường rồi mở thùng cát tông ra thì thấy bên trong có 01 hộp bằng kim loại, hình tròn, vỏ màu đỏ. N mở hộp ra thấy bên trong có 02 túi vải màu đỏ. N kiểm tra thấy túi vải thứ nhất đựng 01 hộp nhựa màu đỏ hình trái tim, bên trong có 02 chiếc nhẫn vàng

(gồm 01 nhẫn 03 chỉ vàng loại 9999 bề mặt trong của nhẫn có chữ 3C và 01 nhẫn 01 chỉ vàng loại 9999); túi vải thứ hai đựng 01 cây vàng miếng SJC loại 9999. N lấy từ trong hộp nhựa màu đỏ hình trái tim 02 chiếc nhẫn vàng đút vào túi quần rồi sắp xếp lại đồ đạc như cũ. Sau đó, N đi đến quán game ở thôn C, xã Đ, thành phố B thì gặp Lưu Văn Đ đang chơi điện tử. N nhờ Đ chở lên thành phố Bắc Giang. Đ mượn xe mô tô của bạn chơi ở quán game chở N đi. Trên đường đi, N nói với Đ là đi bán vàng hộ bà nội. Đ chở N đi đến cửa hàng vàng N H ở số nhà 26A, đường Q, phường Tr, thành phố B. N khai bán 02 chiếc nhẫn vàng cho A Đình Văn N là chủ cửa hàng được 12 triệu đồng. Sau đó, Đ chở N ra về nhà. N cho Đ 01 triệu đồng. Buổi tối cùng ngày, N cho bà Nguyễn Thị L trú tại thôn S, xã Đ, thành phố B là bà ngoại của N 01 triệu đồng, số tiền còn lại N chi tiêu hết.

**Vụ thứ hai:** Sau khi chi tiêu hết tiền, N tiếp tục nảy sinh ý định trộm cắp số vàng còn lại của gia đình ông V. Khoảng 08 giờ ngày 14/4/2022, N đi bộ từ nhà đến nhà ông V, quan sát thấy cổng nhà ông V không khóa, bên trong không có người nên N dùng tay mở cổng, đi vào trong nhà, đi lên tầng 2 vào phòng ngủ của ông V. N dùng tay bê khay âm chén đặt lên giường, mở thùng cát tông và lấy hộp kim loại ra ngoài, mở hộp lấy túi vải màu đỏ bên trong đựng 01 cây vàng miếng SJC đút vào túi quần. Sau đó, N đi ra khỏi nhà ông V. Khi đi qua khu vực bờ ao tiếp giáp với đường thôn S, xã Đ, N vớt túi vải màu đỏ ở bụi chuối và cất miếng vàng SJC vào túi quần. N đi đến nhà Lưu Văn Đ nhờ chở đi bán vàng. N nói với Đ là đi bán vàng hộ bà. Đ bảo N ra quán game để chờ. Khoảng 10 phút sau, Đ đi bộ đến quán game. Sau đó, Đ mượn xe mô tô của bạn đang chơi điện tử ở quán rồi chở N đến tiệm vàng N H. N khai đã bán cây vàng SJC cho Đình Văn N và vợ là Ngô Hoài A được 55.060.000 đồng. Số tiền có được từ bán vàng, N cho Đ 02 triệu đồng, cho bà Nguyễn Thị L 06 triệu đồng. Bà L hỏi về nguồn gốc số tiền thì N nói là được bà nội cho. N cất giấu 30 triệu đồng vào bên trong gối ngủ ở đầu giường tại phòng trọ, số tiền còn lại N chi tiêu hết.

Ngày 14/4/2022, ông Phạm Văn V kiểm tra thì phát hiện bị mất 01 cây vàng miếng SJC, 02 chiếc nhẫn vàng 9999 tổng trọng lượng 4 chỉ. Gia đình ông V xem hình ảnh camera của gia đình bà Phạm Thị T là hàng xóm thấy có hình ảnh N đột nhập vào nhà ông V nên làm đơn trình báo.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, bà Nguyễn Thị Nh gọi điện thoại cho bà Nguyễn Thị L thông báo nghi ngờ N trộm cắp vàng. Sau đó, bà Nh và bà L cùng đến phòng trọ của N thì phát hiện tại gối ngủ ở đầu giường có 30 triệu đồng. Bà L đã đưa cho bà Nh cầm số tiền 30 triệu đồng. Ngày hôm sau, bà L đưa cho bà Nh 7 triệu đồng (là số tiền N cho bà Nh ngày 10/4/2022 và ngày 14/4/2022). Ngày 23/4/2022, ông Phạm Văn V- bà Nguyễn Thị Nh đã trả cho chị Thân Thị Th (mẹ bị cáo N) số tiền 37 triệu đồng đã nhận của bà L.

Ngày 19/4/2022, Thân Hải N đến Công an thành phố Bắc Giang đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội. Căn cứ lời khai và chỉ dẫn của N, Cơ quan đã truy tìm và thu giữ 01 túi vải màu đỏ do N vớt tại khu vực bờ ao, tiếp giáp với đường thôn S, xã Đ, thành phố Bắc Giang.

Ngày 19/4/2022, Cơ quan điều tra cho Thân Hải N thực nghiệm hành vi trộm cắp tài sản tại nhà ông V. Kết quả N thực hiện thuần thục các tư thế, động tác đột nhập vào nhà ông V và trộm cắp tài sản phù hợp với lời khai của N.

Cơ quan điều tra đã cho N xem hình ảnh trích xuất từ dữ liệu camera đã thu giữ tại gia đình bà Phạm Thị T. Kết quả N xác định có hình ảnh N mở cổng nhà ông V đi vào để trộm cắp tài sản.

Kết luận định giá tài sản số 64/KL-HĐĐG ngày 26/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Bắc Giang kết luận:

- 01 nhẫn vàng, loại vàng 9999, dạng nhẫn trơn, bề mặt trong của nhẫn có chữ “3C”, có khối lượng 3 chỉ vàng, mua năm 2008, có trị giá tại thời điểm ngày 10/4/2022 là 5.500.000 đồng/1 chỉ x 3 chỉ = 16.500.000 đồng.

- 01 nhẫn vàng, loại vàng 9999, dạng nhẫn trơn, có khối lượng 1 chỉ vàng, mua năm 2008, có trị giá tại thời điểm ngày 10/4/2022 là 5.500.000 đồng

- 01 cây vàng miếng SJC, loại vàng 9999, trên bề mặt miếng vàng có số “9999”, mua năm 2008, có trị giá tại thời điểm ngày 14/4/2022 là 69.600.000 đồng (bút lục 44).

Quá trình điều tra, Thân Hải N khai bán vàng cho vợ chồng A Đình Văn N và chị Ngô Hoài A A N và chị A không hỏi và N cũng không nói về nguồn gốc số vàng đem bán. Anh Đình Văn N và chị Ngô Hoài A khai không mua vàng của Thân Hải N bán. Cơ quan điều tra đã cho Thân Hải N đối chất với A Đình Văn N và chị Ngô Hoài A các bên vẫn giữ nguyên lời khai. Cơ quan điều tra cho Thân Hải N và Lưu Văn Đ nhận dạng ảnh anh Đình Văn N. Kết quả N nhận đúng ảnh và xác định anh Đình Văn N mua vàng còn Đ không nhận dạng được và không xác định được người mua vàng. Căn cứ kết quả điều tra không có đủ cơ sở xác định A N và chị Hoài A mua vàng do N bán.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 23/4/2022, chị Thân Thị Th đã dùng số tiền 37 triệu đồng bà Nh đưa ngày 23/4/2022 và thêm tiền của mình để mua 01 cây vàng SJC và 04 chỉ vàng 9999 trả lại cho ông V, bà Nh. Đến nay, ông V, bà Nh không yêu cầu bồi thường gì và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với Lưu Văn Đ được N nhờ chở đi bán vàng và được N cho 3 triệu đồng; bà Nguyễn Thị L được N cho 07 triệu đồng nH Đ và bà L đều không là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý. Đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 3 triệu đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 136/CT-VKS ngày 08 tháng 8 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang truy tố bị cáo Thân Hải N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo N khai: Do không có tiền ăn tiêu, chơi điện tử nên ngày 10/4/2022 và ngày 14/4/2022 bị cáo có hành vi trộm cắp vàng của ông V- bà Nh như bản Cáo trạng đã nêu. Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng, không oan, bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo – chị Nguyễn Thị Th trình bày: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ, không khiếu nại gì về các quyết định hay hành vi của cơ quan, của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa bị cáo được khai tự nguyện. Chị Th không có ý kiến gì về lời khai của bị cáo. Chị đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để gia đình dạy dỗ, giáo dục. Chị không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền đã bồi thường cho bị hại.

Bị hại – bà Nguyễn Thị Nh trình bày: Gia đình bị cáo đã hoàn trả, bồi thường đầy đủ cho gia đình bà số vàng bị cáo trộm cắp. Do bị cáo còn chưa thành niên nên đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo để gia đình giáo dục.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - anh Lưu Văn Đ trình bày: Ngày 10/4/2022 và ngày 14/4/2022, anh Đ chờ bị cáo N đi bán vàng, bị cáo nói vàng là của bà nội nhờ bán hộ, bị cáo cho anh Đ tổng số tiền 3 triệu đồng. Do mẹ bị cáo đã bỏ tiền ra mua vàng trả bà Nh - ông Vịnh nên số tiền 3 triệu đồng anh Đ giao nộp cho Cơ quan điều tra đề nghị trả cho mẹ bị cáo.

Đại diện của tổ chức nơi bị cáo sinh sống trình bày: Bị cáo đã bỏ học hiện đang sống cùng mẹ đẻ tại địa phương. Tại phiên tòa bị cáo được khai tự nguyện, khách quan.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người tham gia tố tụng được triệu tập nh vắng mặt tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án vẫn giữ nguyên quyết định như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; khoản 1 Điều 38; Điều 90; Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự để xử phạt: Bị cáo Thân Hải N từ 01 năm 06 tháng tù đến 01 năm 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 19/4/2022 đến ngày 28/4/2022.

2. Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ: Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 túi vải màu đỏ.
- Trả cho chị Thân Thị Th số tiền 3.000.000 đồng.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày:

- Không có ý kiến gì về tố tụng.
- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu 1 tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội còn mang tính trẻ con, thấy tài sản còn nh không lấy hết.

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại, sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đề nghị HĐXX áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65; Điều 98; Điều 101; Nghị quyết số 02 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để xử phạt bị cáo N 18 tháng tù nh cho hưởng án treo để bị cáo có cơ hội khắc phục, sửa chữa lỗi lầm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo nhất trí với bào chữa, trA luận và đề nghị của Luật sư, không bổ sung ý kiến gì.

Bị hại không trA luận gì.

Kiểm sát viên đối đáp, trA luận: Viện kiểm sát căn cứ vào tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, trị giá tài sản trộm cắp rất lớn, bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính năm 2021 nh không cải sửa để đề xuất mức hình phạt là phù hợp. Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm.

Người bào chữa cho bị cáo, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo không đối đáp, trA luận gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo mong HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bắc Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người chứng kiến, đại diện tổ chức nơi bị cáo sinh sống không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại (ông Phạm Văn V), một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người chứng kiến được triệu tập hợp lệ nhđều vắng mặt. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của những người này nên căn cứ vào các Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Căn cứ lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, dữ liệu điện tử từ camera an ninh thu giữ được của gia đình bà Phạm Thị T, Kết luận định giá tài sản 64/KL-HĐĐG ngày 26/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Bắc Giang và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 10/04/2022, bị cáo Thân Hải N có hành vi trộm cắp 02 chiếc nhẫn vàng 9999 có tổng trọng lượng 4 chỉ vàng trị giá 22.000.000 đồng của ông Phạm Văn V- bà Nguyễn Thị Nh. Ngày 14/04/2022, bị cáo Thân Hải N có hành vi trộm cắp 01 cây vàng SJC trị giá 69.600.000 đồng của ông Phạm Văn V - bà Nguyễn Thị Nh. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 91.600.000 đồng.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, tại thời điểm phạm tội, bị cáo trên 16 tuổi. Hành vi lén lút, đột nhập vào nhà ông V bà Nh để chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của ông V bà Nh. Bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với lỗi cố ý, đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 91.600.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang truy tố bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[4] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của ông V – bà Nh được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý bất an cho người dân. Bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản ngay ban ngày thể hiện sự coi thường pháp luật Do vậy, cần phải xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong các ngày 10/4/2022 và ngày 14/4/2022, trên địa bàn thành phố Bắc Giang bị cáo N đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản của ông Phạm Văn V - bà Nguyễn Thị Nh nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội gia đình bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo để xem xét khi quyết định mức hình phạt.

[7] Ngày 25/03/2021, bị cáo bị Công an thành phố Bắc Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc nhưng bị cáo vẫn không chịu tu dưỡng, rèn luyện, lao động, học tập nay lại phạm tội do cố ý. Để có tiền ăn tiêu, chơi điện tử bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với trị giá tài sản lớn. Do vậy, mặc dù bị cáo dưới 18 tuổi nH căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy đề nghị của bị cáo, của người đại diện hợp pháp của bị cáo và của người bào chữa cho bị cáo về việc xử phạt bị cáo hình phạt tù nH cho hưởng án treo để gia đình giáo dục là không phù hợp mà cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát thành phố Bắc Giang thì mới đảm bảo răn đe, giáo dục bị cáo, phòng ngừa tội phạm. Bị cáo sinh ngày 30/8/2005, thuộc trường hợp người phạm tội “từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi”, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần áp dụng Điều 90, Điều 91, Điều 98, khoản 1 Điều 101; Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường, hoàn trả gì nên HĐXX không xem xét.

[9] Về xử lý tài sản, vật chứng thu giữ:

[9.1] Đối với 01 túi vải màu đỏ không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9.2] Đối với số tiền 3000.000đồng Lưu Văn Đ được bị cáo N cho, nguồn gốc là tiền bị cáo N có được do phạm tội mà có. Tuy nhiên, mẹ đẻ bị cáo là chị Thân Thị Th đã tự nguyện bỏ tiền ra để bồi thường đầy đủ cho bị hại. Tại phiên tòa chị Th, anh Đ đều đề nghị trả lại số tiền này cho chị Th là phù hợp, không ảnh hưởng gì đến việc xử lý vụ án và thi hành án nên được chấp nhận.

[10] Đối với Lưu Văn Đ là người chở bị cáo đi bán vàng, được bị cáo cho 3 triệu đồng; bà Nguyễn Thị L được bị cáo cho 07 triệu đồng nhưng anh Đ, bà L đều không biết đó là tài sản do trộm cắp, là tiền có được từ bán tài sản trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[11] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai bán vàng cho vợ chồng A Đình Văn N và chị Ngô Hoài A, anh N và chị A không thừa nhận, ngoài lời



khai của bị cáo không có tài liệu chứng cứ gì khác nên không có đủ cơ sở xác định anh N và chị Hoài A mua vàng do N bán.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 12; điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; khoản 1 Điều 38; Điều 90; Điều 91; Điều 98, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt: Bị cáo Thân Hải N 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 19/4/2022 đến ngày 28/4/2022.

2. Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ:

- Tịch thu tiêu hủy 01 túi vải màu đỏ.

- Trả cho chị Thân Thị Th số tiền 3.000.000đồng.

( theo Quyết định chuyển vật chứng số 109/QĐ-VKS ngày 08/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang )

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và

9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND thành phố Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Bắc Giang;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố Bắc Giang;
- Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo; bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Lưu HS vụ án; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Triệu Thị Luyện**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
*(ĐÃ KÝ)* *(ĐÃ KÝ)*